

Số: 42/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Trà My, ngày 25 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn 6 (nay là thôn 3), xã T, huyện B, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn 5 (nay là thôn 2), xã T, huyện B, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch chi nhánh huyện N, tỉnh Q. Người đại diện theo ủy quyền có ông Trần Văn Q; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH chi nhánh Nam Trà My.

(Quyết định ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015)

2/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện N, tỉnh Q. Người đại diện theo ủy quyền lại có ông Nguyễn Đức T; chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Nam Trà My, Quảng Nam (Quyết định ủy quyền số 09/QĐ-NHNo-NTM ngày 25/02/2020).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Ngọc Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Ngọc Đ thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015 và Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2018. Ông Đ và bà L thống nhất giao cháu H và cháu N cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung:

Bà Lê Thị Mỹ L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện N, tỉnh Q số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay.

Ông Nguyễn Ngọc Đ có trách nhiệm trả nợ gốc cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện N số tiền nợ gốc là 124.779.523 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay các bên đã ký kết.

+ Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng bà L tự nguyện chịu. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My theo biên lai thu số 0011383 ngày 13/12/2019. Hoàn lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn*) tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Mỹ L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đại